

Số: /KH-UBND

Lĩnh Toại, ngày tháng 8 năm 2026

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về chuyển đổi số trên địa bàn xã Lĩnh Toại giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2045

Thực hiện Quyết định số 1266/QĐ-TTg ngày 14/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về chuyển đổi số giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2045; Kế hoạch số 282/KH-UBND ngày 04/8/2026 của UBND tỉnh Thanh Hóa triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2045; \

Ủy ban nhân dân xã Lĩnh Toại ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về chuyển đổi số trên địa bàn xã Lĩnh Toại giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2045 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

1.1. Tổ chức triển khai đồng bộ Chiến lược chuyển đổi số

Tổ chức triển khai đầy đủ, kịp thời và hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ của Chiến lược quốc gia về chuyển đổi số giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2045 và Kế hoạch của UBND tỉnh Thanh Hóa phù hợp với điều kiện thực tế của xã Lĩnh Toại; cụ thể hóa các mục tiêu phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số trên địa bàn xã.

1.2. Xây dựng chính quyền số hiện đại

Đẩy mạnh chuyển đổi toàn diện hoạt động quản lý, điều hành của UBND xã trên môi trường số; khai thác hiệu quả dữ liệu số trong chỉ đạo, điều hành, giải quyết thủ tục hành chính và phục vụ người dân, doanh nghiệp theo hướng công khai, minh bạch, nhanh chóng và chính xác.

1.3. Lấy người dân làm trung tâm

Tạo điều kiện để người dân và doanh nghiệp tiếp cận, sử dụng thuận lợi các dịch vụ số, dịch vụ công trực tuyến, thanh toán điện tử, định danh điện tử và các nền tảng số quốc gia; nâng cao chất lượng phục vụ của chính quyền cơ sở.

1.4. Góp phần phát triển kinh tế số và xã hội số

Khuyến khích hộ kinh doanh, doanh nghiệp trên địa bàn ứng dụng công nghệ số trong sản xuất, kinh doanh; thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt, thương mại điện tử; nâng cao kỹ năng số của người dân, thu hẹp khoảng cách số giữa các nhóm dân cư.

1.5. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước

Từng bước hình thành nền hành chính hiện đại dựa trên dữ liệu, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), các nền tảng số dùng chung và các cơ sở dữ liệu quốc gia nhằm nâng cao năng suất lao động, chất lượng giải quyết công việc và cải cách hành chính.

2. Yêu cầu

2.1. Bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất

Việc triển khai chuyển đổi số phải đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng ủy, sự quản lý thống nhất của UBND xã; xác định đây là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt trong phát triển kinh tế - xã hội và cải cách hành chính của địa phương.

2.2. Lấy dữ liệu làm nền tảng

Tổ chức xây dựng, chuẩn hóa, làm sạch, cập nhật và khai thác hiệu quả dữ liệu theo nguyên tắc "đúng - đủ - sạch - sống - thống nhất - dùng chung", gắn với khai thác các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và dữ liệu của tỉnh.

2.3. Gắn chuyển đổi số với cải cách hành chính

Việc triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số phải đồng thời góp phần đơn giản hóa thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp, giảm thời gian xử lý hồ sơ và nâng cao mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân.

2.4. Bảo đảm an toàn thông tin

Các hệ thống thông tin, dữ liệu và nền tảng số của UBND xã phải được quản lý, khai thác và vận hành theo đúng quy định về bảo đảm an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân và bí mật nhà nước.

2.5. Phát huy trách nhiệm của người đứng đầu

Phát huy trách nhiệm Người đứng đầu UBND xã, các phòng, ban chuyên môn, đơn vị sự nghiệp thuộc UBND xã chịu trách nhiệm trực tiếp về kết quả thực hiện chuyển đổi số trong lĩnh vực được phân công; lấy kết quả chuyển đổi số làm một trong những tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hằng năm.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Đến năm 2030, xây dựng UBND xã Lĩnh Toại trở thành chính quyền số hiện đại, hoạt động dựa trên dữ liệu, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số và trí tuệ nhân tạo (AI) trong quản lý, điều hành; cung cấp dịch vụ công thuận tiện, minh bạch, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ; góp phần phát triển kinh tế số, xã hội số, bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

Đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện trên cả ba trụ cột chính quyền số, kinh tế số và xã hội số; khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và các nền tảng số dùng chung của Trung ương, tỉnh và địa phương; xây dựng môi trường số an toàn, tin cậy, phục vụ hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền và nhu cầu của Nhân dân.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

2.1. Phát triển chính quyền số

- 100% văn bản trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước được thực hiện dưới dạng điện tử, ký số theo quy định (trừ văn bản mật).

- 100% cán bộ, công chức sử dụng thành thạo Hệ thống quản lý văn bản và điều hành, thư điện tử công vụ, chữ ký số và hồ sơ điện tử.

- 100% hồ sơ công việc của cán bộ, công chức được xử lý trên môi trường mạng theo quy định.

- 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền UBND xã được tiếp nhận, giải quyết trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh.
- 100% kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa, lưu trữ điện tử và tái sử dụng theo quy định.
- Tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng và trước hạn đạt từ 99% trở lên.
- Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp hài lòng đối với việc giải quyết thủ tục hành chính đạt trên 99%.
- 100% cán bộ, công chức được bồi dưỡng/đào tạo, tập huấn kỹ năng số hằng năm.
- 100% cán bộ lãnh đạo, công chức được tập huấn và sử dụng các nền tảng trợ lý AI phục vụ công việc theo hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.
- 100% cuộc họp của UBND xã được tổ chức trên nền tảng số hoặc sử dụng tài liệu điện tử khi đủ điều kiện.

2.2. Phát triển dữ liệu số

- 100% dữ liệu thuộc phạm vi quản lý của UBND xã được rà soát, chuẩn hóa, cập nhật theo nguyên tắc "đúng, đủ, sạch, sống".
- Hoàn thành số hóa hồ sơ, tài liệu lưu trữ hình thành trong hoạt động của UBND xã theo lộ trình của tỉnh.
- 100% dữ liệu hộ tịch, người có công, bảo trợ xã hội, giảm nghèo, trẻ em, giáo dục, y tế, văn hóa và các lĩnh vực quản lý của xã được cập nhật đầy đủ trên các hệ thống chuyên ngành.
- 100% dữ liệu phục vụ Đề án 06 được cập nhật, khai thác và sử dụng đúng quy định.
- Khai thác hiệu quả dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành để giảm giấy tờ trong giải quyết thủ tục hành chính.

2.3. Phát triển kinh tế số

- 100% doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh đủ điều kiện được tuyên truyền, hướng dẫn chuyển đổi số.
- Trên 90% hộ kinh doanh sử dụng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt.
- Trên 80% cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng hóa đơn điện tử theo quy định.
- Khuyến khích các sản phẩm OCOP, sản phẩm đặc trưng của địa phương được quảng bá trên các sàn thương mại điện tử.
- Hằng năm tổ chức ít nhất 02 đợt tập huấn, hướng dẫn kỹ năng chuyển đổi số cho doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh trên địa bàn.

2.4. Phát triển xã hội số

- 100% thôn duy trì hoạt động hiệu quả Tổ công nghệ số cộng đồng.
- Trên 95% công dân đủ điều kiện được kích hoạt và sử dụng tài khoản định danh điện tử mức độ 2.
- Trên 90% người dân trưởng thành có tài khoản thanh toán điện tử.
- 100% trường học, trạm y tế và các đơn vị sự nghiệp trên địa bàn sử dụng hiệu quả các nền tảng số chuyên ngành.

- Hằng năm tổ chức các lớp tuyên truyền, phổ cập kỹ năng số, kỹ năng sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán điện tử và an toàn thông tin cho người dân; phần đầu trên 80% người dân trong độ tuổi lao động được trang bị kỹ năng số cơ bản.

3. Một số chỉ tiêu trọng tâm hằng năm

- Để bảo đảm hoàn thành các mục tiêu đến năm 2030, UBND xã tập trung thực hiện các chỉ tiêu trọng tâm sau:

- 100% cán bộ, công chức hoàn thành chương trình bồi dưỡng kỹ năng số hằng năm.

- 100% hồ sơ thủ tục hành chính được tiếp nhận, xử lý trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh.

- Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến phát sinh tăng hằng năm theo chỉ tiêu UBND tỉnh giao.

- Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đạt 100%.

- Duy trì tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn từ 99% trở lên.

- Tỷ lệ thanh toán trực tuyến đối với các thủ tục hành chính có nghĩa vụ tài chính tăng theo chỉ tiêu của tỉnh.

- 100% thôn tổ chức ít nhất 01 hoạt động tuyên truyền về chuyển đổi số mỗi năm.

- 100% cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND xã thực hiện kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin định kỳ.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

Để hoàn thành các mục tiêu chuyển đổi số giai đoạn 2026-2030, UBND xã Lĩnh Toại tập trung triển khai 06 nhóm nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm sau:

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo; hoàn thiện cơ chế và nâng cao nhận thức về chuyển đổi số

1.1. Tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo

Tiếp tục kiện toàn Ban Chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 của xã; phân công rõ trách nhiệm của từng thành viên trong chỉ đạo, tổ chức thực hiện.

Người đứng đầu các bộ phận chuyên môn, đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND xã chịu trách nhiệm trực tiếp về kết quả thực hiện chuyển đổi số trong lĩnh vực phụ trách.

Đưa các mục tiêu, nhiệm vụ chuyển đổi số vào chương trình, kế hoạch công tác hằng năm và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

1.2. Hoàn thiện cơ chế quản lý

Rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy chế quản lý, khai thác và sử dụng các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, hồ sơ điện tử, chữ ký số, bảo đảm phù hợp với quy định hiện hành.

Ban hành quy chế quản lý, vận hành, khai thác dữ liệu số của UBND xã; quy định trách nhiệm cập nhật, chia sẻ và sử dụng dữ liệu giữa các bộ phận chuyên môn.

Chuẩn hóa quy trình xử lý công việc trên môi trường điện tử; giảm tối đa việc xử lý hồ sơ giấy trong nội bộ cơ quan.

1.3. Nâng cao nhận thức

Tổ chức tuyên truyền sâu rộng về vai trò của chuyển đổi số, phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đối với phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Phát động các phong trào thi đua về chuyển đổi số, xây dựng mô hình "Cơ quan số", "Thôn số", "Công dân số", "Gia đình số".

Biểu dương, nhân rộng các tập thể, cá nhân có sáng kiến, mô hình hay trong chuyển đổi số.

2. Phát triển hạ tầng số và nền tảng số

2.1. Hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin

Rà soát, đầu tư nâng cấp hệ thống máy tính, máy in, máy quét, thiết bị lưu trữ, đường truyền Internet và mạng LAN của UBND xã đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số.

Bảo đảm 100% cán bộ, công chức có thiết bị phục vụ xử lý công việc trên môi trường số.

Phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông bảo đảm chất lượng hạ tầng Internet, phủ sóng băng rộng, mạng di động tốc độ cao trên địa bàn.

2.2. Khai thác các nền tảng số dùng chung

Khai thác hiệu quả Hệ thống quản lý văn bản và điều hành, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh, Cổng dịch vụ công quốc gia, thư điện tử công vụ, chữ ký số, hệ thống hội nghị trực tuyến và các nền tảng số dùng chung của tỉnh.

Thực hiện nghiêm việc gửi, nhận văn bản điện tử có ký số giữa các cơ quan hành chính nhà nước.

Tăng cường sử dụng các nền tảng hợp không giấy, lưu trữ điện tử và trao đổi công việc trực tuyến.

2.3. Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI)

Khuyến khích cán bộ, công chức sử dụng các nền tảng trợ lý AI phục vụ soạn thảo văn bản, tổng hợp báo cáo, tra cứu văn bản quy phạm pháp luật, hỗ trợ giải quyết công việc theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

Từng bước nghiên cứu ứng dụng AI trong tiếp nhận phản ánh, trả lời câu hỏi thường gặp, thông kê, phân tích dữ liệu phục vụ công tác quản lý, điều hành. Nội dung này bám sát định hướng của kế hoạch cấp tỉnh về thúc đẩy ứng dụng AI trong quản lý, điều hành.

3. Phát triển dữ liệu số và xây dựng chính quyền số

3.1. Chuẩn hóa và làm sạch dữ liệu

Tổ chức rà soát, chuẩn hóa, cập nhật các cơ sở dữ liệu thuộc phạm vi quản lý của UBND xã theo nguyên tắc "đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung".

Thực hiện số hóa hồ sơ, tài liệu, lưu trữ điện tử theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của cấp trên.

Khai thác hiệu quả dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành nhằm giảm thành phần hồ sơ, giấy tờ khi giải quyết thủ tục hành chính.

3.2. Phát triển hồ sơ điện tử và dịch vụ công trực tuyến

100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền được tiếp nhận, xử lý trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh.

Thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính; tái sử dụng dữ liệu điện tử trong giải quyết các thủ tục hành chính tiếp theo.

Khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến toàn trình, thanh toán trực tuyến và nhận kết quả điện tử.

3.3. Khai thác dữ liệu phục vụ điều hành

Các bộ phận chuyên môn thường xuyên cập nhật, chia sẻ dữ liệu phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của UBND xã; ưu tiên khai thác dữ liệu trong các lĩnh vực dân cư, hộ tịch, an sinh xã hội, giáo dục, y tế, văn hóa, đất đai theo phân cấp, góp phần nâng cao chất lượng dự báo, thống kê và ra quyết định.

4. Phát triển kinh tế số

4.1. Hỗ trợ doanh nghiệp và hộ kinh doanh chuyển đổi số

Phối hợp với các cơ quan chuyên môn của tỉnh, doanh nghiệp viễn thông và ngân hàng tuyên truyền, hướng dẫn doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh ứng dụng công nghệ số trong quản lý, bán hàng và thanh toán điện tử.

Khuyến khích sử dụng hóa đơn điện tử, hợp đồng điện tử và các nền tảng thương mại điện tử phù hợp với quy mô hoạt động của cơ sở sản xuất, kinh doanh.

4.2. Phát triển thanh toán không dùng tiền mặt

Đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt trong cung cấp dịch vụ công, giáo dục, y tế, thương mại và các giao dịch dân sự.

Hỗ trợ triển khai thanh toán bằng mã QR tại các hộ kinh doanh, chợ, cơ sở dịch vụ trên địa bàn khi có đủ điều kiện.

4.3. Quảng bá sản phẩm địa phương

Phối hợp tuyên truyền, hỗ trợ quảng bá sản phẩm OCOP, sản phẩm đặc trưng của địa phương trên các nền tảng số, mạng xã hội và sàn thương mại điện tử, phù hợp với định hướng thúc đẩy thương mại điện tử của kế hoạch cấp tỉnh.

5. Phát triển xã hội số

5.1. Nâng cao kỹ năng số cho người dân

Duy trì, phát huy hiệu quả hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng tại các thôn.

Tổ chức các lớp tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, định danh điện tử, chữ ký số cá nhân, thanh toán điện tử và các nền tảng số thiết yếu.

Lồng ghép thực hiện phong trào "Bình dân học vụ số" nhằm phổ cập kỹ năng số cơ bản cho người dân.

5.2. Thúc đẩy chuyển đổi số trong giáo dục, y tế, văn hóa

Phối hợp với các trường học, trạm y tế triển khai hiệu quả các nền tảng số chuyên ngành theo hướng dẫn của cơ quan quản lý cấp trên.

Khuyến khích người dân sử dụng sổ sức khỏe điện tử, hồ sơ học tập điện tử và các dịch vụ số trong giáo dục, y tế, văn hóa.

5.3. Phát triển công dân số

Khuyến khích người dân sử dụng tài khoản định danh điện tử, chữ ký số cá nhân và các ứng dụng số phục vụ giao dịch với cơ quan nhà nước.

Tăng cường tuyên truyền kỹ năng bảo vệ dữ liệu cá nhân, phòng chống lừa đảo trên không gian mạng và sử dụng Internet an toàn. Các nội dung này bám sát nhóm nhiệm vụ phát triển xã hội số của kế hoạch cấp tỉnh.

6. Bảo đảm an toàn thông tin và an ninh mạng

Thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn thông tin mạng đối với toàn bộ hệ thống thông tin, thiết bị và dữ liệu của UBND xã.

Thường xuyên rà soát, cập nhật phần mềm, sao lưu dữ liệu, quản lý tài khoản người dùng và kiểm tra việc sử dụng thiết bị công nghệ thông tin.

Phối hợp với Công an xã và cơ quan chuyên môn của tỉnh trong phòng ngừa, phát hiện, xử lý các sự cố an toàn thông tin mạng; tuyên truyền, cảnh báo các hình thức lừa đảo trên không gian mạng cho người dân.

Thực hiện nghiêm các quy định về bảo vệ bí mật nhà nước, dữ liệu cá nhân và an ninh mạng trong quá trình chuyển đổi số.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí trong dự toán chi ngân sách nhà nước hằng năm của UBND xã theo phân cấp ngân sách hiện hành và khả năng cân đối ngân sách của địa phương.

Lồng ghép nguồn kinh phí từ các chương trình, đề án, dự án về chuyển đổi số, cải cách hành chính, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và các chương trình mục tiêu quốc gia đang triển khai trên địa bàn.

Huy động các nguồn lực hợp pháp từ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân và các nguồn xã hội hóa để đầu tư, hỗ trợ các hoạt động chuyển đổi số; khuyến khích hình thức hợp tác công - tư trong triển khai hạ tầng số, nền tảng số và đào tạo kỹ năng số.

Việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện Kế hoạch bảo đảm đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành; thực hiện công khai, minh bạch, tiết kiệm và hiệu quả. Nội dung này được cụ thể hóa từ nguyên tắc huy động và sử dụng nguồn lực của Kế hoạch cấp tỉnh.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các phòng chuyên môn thuộc UBND xã

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và nội dung Kế hoạch này, chủ động xây dựng kế hoạch triển khai hằng năm; tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số thuộc lĩnh vực quản lý; phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị có liên quan bảo đảm hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu và nhiệm vụ được giao.

Chủ động rà soát, tham mưu hoàn thiện cơ chế, chính sách; đẩy mạnh cải cách hành chính gắn với chuyển đổi số; tăng cường ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu số và các nền tảng số trong quản lý, chỉ đạo, điều hành và cung cấp dịch vụ công.

Thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính; khai thác, cập nhật và chia sẻ dữ liệu theo quy định; bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng và bảo vệ bí mật nhà nước trong quá trình triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số.

Định kỳ đánh giá kết quả thực hiện, kịp thời báo cáo những khó khăn, vướng mắc và đề xuất giải pháp với UBND xã để xem xét, chỉ đạo.

2. Văn phòng HĐND và UBND xã

Là cơ quan đầu mối tham mưu UBND xã tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch.

Chủ trì theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch; tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện; tham mưu UBND xã sơ kết, tổng kết, đánh giá và báo cáo cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

Phối hợp với các phòng chuyên môn tham mưu triển khai các nhiệm vụ về chuyển đổi số, cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ số trong hoạt động của UBND xã.

3. Công an xã

Chủ trì triển khai các nhiệm vụ thuộc Đề án 06 và các nhiệm vụ bảo đảm an ninh mạng, an toàn thông tin trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao.

Phối hợp với các phòng chuyên môn khai thác hiệu quả Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, phát triển chính quyền số.

Tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng định danh điện tử, bảo vệ dữ liệu cá nhân, phòng ngừa và đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật trên không gian mạng.

4. Ban Chỉ huy Quân sự xã

Phối hợp bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ bí mật nhà nước; ứng dụng công nghệ số trong quản lý, điều hành và thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng địa phương theo quy định.

5. Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND xã

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, xây dựng kế hoạch chuyển đổi số của đơn vị; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong quản lý, điều hành và cung cấp dịch vụ công; phối hợp triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số của địa phương.

6. Các thôn

Phối hợp tuyên truyền, vận động Nhân dân tham gia chuyển đổi số; phát huy hiệu quả hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng; hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, định danh điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt và các nền tảng số thiết yếu.

7. Các doanh nghiệp, hợp tác xã và tổ chức trên địa bàn

Phối hợp với UBND xã trong triển khai các hoạt động chuyển đổi số; phát triển hạ tầng số, thanh toán số, thương mại điện tử; tham gia đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số và các hoạt động xã hội hóa phục vụ chuyển đổi số của địa phương.

8. Chế độ thông tin, báo cáo

Các phòng chuyên môn, đơn vị thuộc UBND xã và các cơ quan, đơn vị liên quan định kỳ 06 tháng (trước ngày 10/6) và hằng năm (trước ngày 10/12) báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch về UBND xã qua phòng Văn hóa - Xã hội để tổng hợp, tham mưu UBND xã báo cáo cơ quan có thẩm quyền.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc phát sinh những vấn đề mới, các cơ quan, đơn vị kịp thời báo cáo UBND xã để xem xét, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Sở KH&CN (đề b/c);
- TTr. Đảng ủy, HĐND xã (b/c);
- UB MTTQ Việt Nam xã;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Trưởng các phòng, ban, Trung tâm;
- các Thôn, Tổ CNS cộng đồng;
- Lưu: VT, VHXH.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Ngô Minh Cảnh

PHỤ LỤC I
DANH MỤC NHIỆM VỤ THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC QUỐC GIA VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ GIAI ĐOẠN 2026-2030
TRÊN ĐỊA BÀN XÃ LĨNH TOẠI

(Kèm theo Kế hoạch số/KH-UBND ngày/8/2026 của UBND xã Lĩnh Toại)

STT	Nội dung chỉ tiêu	Đơn vị tính/đo lượng	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030	Cơ quan, đơn vị chủ trì tham mưu; theo dõi, báo cáo.	Ghi chú
I	Phát triển Hạ tầng số								
1	Tỷ lệ phủ sóng 5G trên địa bàn xã	%	30%	60%	80%	90%	100%	Phòng VHXXH	Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy
2	Tỷ lệ phủ sóng 6G trên địa bàn xã	%	-	-	5%	10%	15%	Phòng VHXXH	Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy
3	Tỷ lệ người sử dụng có khả năng truy cập băng rộng cố định với tốc độ trên 01 Gb/s	%	60%	70%	80%	90%	100%	Phòng VHXXH	Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy
4	Phối hợp với Trung tâm an ninh mạng cấp tỉnh, giám sát, ứng cứu sự cố cho toàn hệ thống	Trung tâm	Có	Có	Có	Có	Có	Văn phòng HĐND&UBND	Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy
5	Phối hợp để hoàn thiện Trung tâm dữ liệu, triển khai kết nối, đồng bộ dữ liệu với Trung tâm dữ liệu quốc gia	Trung tâm	01	02	02	02	03	Văn phòng HĐND&UBND	Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy
II	Phát triển chính quyền số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động								

STT	Nội dung chỉ tiêu	Đơn vị tính/đo lượng	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030	Cơ quan, đơn vị chủ trì tham mưu; theo dõi, báo cáo.	Ghi chú
1	Tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa	%	90%	100%	100%	100%	100%	Trung tâm Phục vụ hành chính công	- Quyết định số 1266/QĐ-TTg ngày 14/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ; - Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.
2	Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến	%	95%	99%	99%	99%	99%	Trung tâm Phục vụ hành chính công	- Quyết định số 1266/QĐ-TTg ngày 14/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ; - Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.
3	Chuẩn hóa và sử dụng có hiệu quả các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực phục vụ chính quyền số theo đúng kế hoạch	%	100%	100%	100%	100%	100%	Phòng VHXXH	- Quyết định số 1266/QĐ-TTg ngày 14/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ; - Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.
4	Tỷ lệ hệ thống thông tin được kết nối, chia sẻ dữ liệu qua dịch vụ chia sẻ dữ liệu	%	80%	85%	90%	95%	100%	Phòng VHXXH	- Quyết định số 1266/QĐ-TTg ngày 14/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ; - Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.
5	Tỷ lệ cơ sở dữ liệu dùng chung quốc gia, ngành, lĩnh vực, cấp tỉnh được chuẩn hóa, kết nối, phân quyền và sẵn sàng khai thác cho AI	%	80%	85%	90%	95%	100%	Các phòng, ban, trung tâm	Quyết định số 1266/QĐ-TTg ngày 14/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ;
6	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước có hồ sơ điện tử theo quy định	%	90%	95%	100%	100%	100%	Các phòng, Ban, trung tâm	Quyết định số 1266/QĐ-TTg ngày 14/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ;

STT	Nội dung chỉ tiêu	Đơn vị tính/đo lường	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030	Cơ quan, đơn vị chủ trì tham mưu; theo dõi, báo cáo.	Ghi chú
7	Tỷ lệ cán bộ lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước được bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng số	%	100%	100%	100%	100%	100%	Phòng VHXXH	Quyết định số 1266/QĐ-TTg ngày 14/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ.
8	Tỷ lệ cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, chuyển đổi số của địa phương được đào tạo bồi dưỡng, cập nhật công nghệ số	%	50%	70%	100%	100%	100%	Phòng VHXXH	Quyết định số 1266/QĐ-TTg ngày 14/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ.
9	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức có tài khoản và được đào tạo sử dụng nền tảng trợ lý AI công vụ	%	80%	90%	100%	100%	100%	Phòng VHXXH	Quyết định số 1266/QĐ-TTg ngày 14/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ.
III	Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế								
1	Quy mô kinh tế số GRDP	%	10%	12%	15%	17%	20%	Phòng KT	- Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026; - Quyết định số 1266/QĐ-TTg ngày 14/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ.
2	Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số	%	40%	45%	50%	55%	60%	Phòng KT	- Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026; - Quyết định số 1266/QĐ-TTg ngày 14/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ.
3	Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ	%	10%	12%	15%	17%	17%	Phòng KT	Quyết định số 1266/QĐ-TTg ngày 14/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ.
4	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa hoạt động trong lĩnh vực thương mại tham gia các sàn thương mại điện tử lớn trong và ngoài nước	%	30%	30%	35%	40%	45%	Phòng KT	Quyết định số 1266/QĐ-TTg ngày 14/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ.

STT	Nội dung chỉ tiêu	Đơn vị tính/đo lường	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030	Cơ quan, đơn vị chủ trì tham mưu; theo dõi, báo cáo.	Ghi chú
5	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận, sử dụng nền tảng “mô hình như một dịch vụ”, tác nhân AI hoặc giải pháp AI dùng chung	%	30%	32%	35%	37%	40%	Phòng KT	Quyết định số 1266/QĐ-TTg ngày 14/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ.
IV	Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số								
1	Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối Internet băng rộng cáp quang	%	80%	80%	80%	80%	100%	Phòng VHXH	Quyết định số 1266/QĐ-TTg ngày 14/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ.
2	Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi đủ điều kiện trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác	%	80%	85%	90%	95%	95%	Phòng VHXH chỉ đạo các tổ CNS cộng đồng	Quyết định số 1266/QĐ-TTg ngày 14/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ.
3	Tỷ lệ người dân trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân	%	34,5%	55%	60%	65%	> 70%	Phòng VHXH chỉ đạo các tổ CNS cộng đồng	Quyết định số 1266/QĐ-TTg ngày 14/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ.
4	Tỷ lệ người dân được lập sổ sức khỏe điện tử	%	94%	95%	95%	95%	100%	Phòng VHXH chỉ đạo các Trạm y tế	Quyết định số 1266/QĐ-TTg ngày 14/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ.
5	Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản	%	70%	> 70%	75%	80%	80%	Phòng VHXH	Quyết định số 1266/QĐ-TTg ngày 14/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ.
6	Tỷ lệ người dân trưởng thành có đủ điều kiện được cài đặt Ứng dụng số Thanh Hóa	%	40%	60%	80%	90%	100%	Phòng VHXH chỉ đạo các tổ CNS cộng đồng	<i>Chỉ tiêu bổ sung mới</i>

Phụ lục 2

DANH MỤC DỰ KIẾN CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN GIAI ĐOẠN 2026 - 2030
CÁC PHÒNG BAN CẤP XÃ CHỦ TRÌ/PHỐI HỢP VỚI CÁC SỞ NGÀNH CẤP TỈNH
(Kèm theo Kế hoạch số:/KH-UBND ngày/8/2026 của Ủy ban nhân dân xã)

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Dự kiến kết quả	Thời gian hoàn thành
I	Hoàn thiện thể chế				
1	Phối hợp Cập nhật, duy trì Khung kiến trúc số, phù hợp với Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số	Sở Khoa học và Công nghệ	Phòng VHXXH	Quyết định ban hành Khung kiến trúc số. Các hoạt động triển khai Khung kiến trúc số.	Thường xuyên
2	Triển khai Khung kiến trúc dữ liệu, Khung quản trị, quản lý dữ liệu tỉnh phù hợp, đồng bộ với Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia, Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia	Sở Khoa học và Công nghệ	Phòng VHXXH	Danh mục dữ liệu dùng chung, danh mục dữ liệu mở. Các hoạt động triển khai Khung kiến trúc.	Thường xuyên
3	Các quy định về vận hành hạ tầng số, nền tảng số dùng chung	Các sở, ban, ngành là cơ quan chủ quản của hệ thống/nền tảng.	Phòng VHXXH, VP HĐND&UBND, Phòng KT	Các quy định, quy chế phát triển, vận hành hạ tầng số và các nền tảng số dùng chung của tỉnh	- Đối với các Hệ thống, Nền tảng đã đưa vào vận hành: thực hiện rà soát, trình phê duyệt/ điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế. - Đối với các Hệ thống, Nền tảng dự kiến triển khai: trình phê duyệt Quy chế ngay sau khi đưa vào vận hành
4	Điều chỉnh tiêu chuẩn, mô tả vị trí việc làm theo từng lĩnh vực quản lý, bổ sung yêu cầu kỹ năng số phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và công cụ làm việc của vị trí, trên cơ sở tham chiếu Khung năng lực số quốc gia và các quy định.	Sở Nội vụ	Phòng VHXXH	Tiêu chuẩn, mô tả vị trí việc làm được ban hành	Thường xuyên
5	Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trong các lĩnh vực chuyên ngành để đáp ứng yêu cầu điều chỉnh các mối quan hệ mới phát sinh trong tiến trình chuyển đổi số, khuyến khích đổi mới sáng tạo.	Sở Khoa học và Công nghệ	Phòng VHXXH, VP HĐND&UBND	Các văn bản thuộc thẩm quyền ban hành	Thường xuyên

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Dự kiến kết quả	Thời gian hoàn thành
6	Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về doanh nghiệp, khởi nghiệp sáng tạo, sở hữu trí tuệ, thương mại, đầu tư, kinh doanh để tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình chuyển đổi số và phát triển các sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới dựa trên công nghệ số, Internet và không gian mạng.	Sở Khoa học và Công nghệ	Phòng VHXXH	Các văn bản thuộc thẩm quyền ban hành	Thường xuyên
7	Chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ trên môi trường mạng, biểu mẫu, chế độ báo cáo; tăng cường gửi, nhận văn bản, báo cáo điện tử tích hợp chữ ký số giữa các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội và các doanh nghiệp; thực hiện số hóa hồ sơ, lưu trữ hồ sơ công việc điện tử của các cơ quan nhà nước theo quy định.	Công nghệ	Phòng VHXXH, VP HĐND&UBND, Phòng KT, Công an xã	Các quy trình nghiệp vụ được chuẩn hóa thuộc thẩm quyền ban hành	Thường xuyên
II	Phát triển hạ tầng số				
1	Tổ chức triển khai phát triển hạ tầng kết nối mạng thông tin di động (trạm BTS) 5G và IoT trên địa bàn tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Phòng, ban, đơn vị liên quan	Báo cáo kết quả thực hiện	Theo lộ trình Kế hoạch 178/KH-UBND ngày 25/8/2025 của UBND tỉnh
2	Duy trì Trung tâm giám sát, điều hành thông minh (IOC), kết nối với Trung tâm dữ liệu quốc gia	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Phòng, ban, đơn vị liên quan	Kịch bản điều hành và các báo cáo biểu diễn dựa trên dữ liệu	Thường xuyên
3	Đảm bảo hạ tầng, trang thiết bị mạng nội bộ cho hệ thống thông tin.	UBND xã	Doanh nghiệp VT	100% các cơ quan, đơn vị được bổ sung, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin.	Thường xuyên
4	Phát triển hạ tầng chính quyền số phục vụ cơ quan nhà nước trên cơ sở kết hợp thế mạnh của Mạng truyền số liệu chuyên dùng, mạng Internet, trung tâm dữ liệu của cơ quan nhà nước để phục vụ kết nối liên thông, xuyên suốt 3 cấp hành chính, sử dụng cơ chế mã hóa và công nghệ bảo đảm an toàn, an ninh mạng do Việt Nam làm chủ một cách an toàn, bảo mật. Tái cấu trúc hạ tầng công nghệ thông tin của các sở, ngành, địa phương, chuyển đổi hạ tầng công nghệ thông tin thành hạ tầng số ứng dụng công nghệ điện toán	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Phòng, ban, đơn vị liên quan	Báo cáo kết quả thực hiện	Thường xuyên

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Dự kiến kết quả	Thời gian hoàn thành
	đám mây phục vụ kết nối, quản lý các nguồn lực, dữ liệu của cơ quan nhà nước một cách an toàn, linh hoạt, ổn định và hiệu quả.				
5	Ưu tiên hạ tầng triển khai bản sao số, hệ thống phân tích, mô phỏng, dự báo và hỗ trợ ra quyết định trong các lĩnh vực có nhu cầu điều hành thời gian thực, quản trị hạ tầng, sản xuất, năng lượng, tài nguyên, môi trường, nông nghiệp, đô thị và dịch vụ công thiết yếu.	Ủy ban nhân dân xã	Sở Khoa học và Công nghệ	Báo cáo kết quả thực hiện	2026 - 2030
6	Phát triển hạ tầng kết nối mạng Internet vạn vật (IoT); xây dựng lộ trình và triển khai tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số vào các hạ tầng thiết yếu như giao thông, năng lượng, điện, nước, đô thị để chuyển đổi thành một bộ phận cấu thành quan trọng của hạ tầng số. Tất cả các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng thiết yếu, hạ tầng giao thông, đô thị, xây dựng phải có nội dung nghiên cứu, phân tích để xem xét, bổ sung hạng mục ứng dụng, kết nối mạng IoT, tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số. Các nội dung phát triển hạ tầng IoT phải bảo đảm hiệu quả, phát triển các hạ tầng dùng chung, tránh đầu tư trùng lặp.	Các sở, ngành cấp tỉnh	Các Phòng, ban, đơn vị liên quan	Báo cáo kết quả thực hiện	2026 - 2030
7	Ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành quy định về công trình hạ tầng kỹ thuật thuộc phạm vi quản lý bắt buộc tích hợp thiết bị cảm biến và các ứng dụng công nghệ số khác, kèm theo lộ trình áp dụng phù hợp.	Sở Khoa học và Công nghệ	Công an xã và các đơn vị liên quan	Văn bản của cấp có thẩm quyền ban hành	2026 - 2030
III	Phát triển dữ liệu số; các ứng dụng, nền tảng số				
1	Triển khai, khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành trên địa bàn tỉnh	Các sở, ngành cấp tỉnh	Các Phòng, ban, đơn vị liên quan	100% các cơ sở dữ liệu QG và chuyên ngành được thực hiện	Theo tiến độ của Trung ương
2	Triển khai Đề án Chiến lược dữ liệu của tỉnh	Các sở, ngành cấp tỉnh	Các Phòng, ban, đơn vị liên quan	100% các nhiệm vụ của Đề án được thực hiện đảm bảo đúng tiến độ	Năm 2026 - 2030

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Dự kiến kết quả	Thời gian hoàn thành
3	Tập trung số hóa dữ liệu, khai thác tái sử dụng dữ liệu để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, trọng tâm là lĩnh vực tư pháp, giáo dục, y tế, đất đai.	Sở Tư pháp, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế, Sở Nông nghiệp và Môi trường	Trung tâm Phục vụ hành chính công; và các đơn vị liên quan	Dữ liệu các lĩnh vực tư pháp, giáo dục, y tế, đất đai được tạo lập, số hóa	Năm 2026 - 2030
4	Số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính; triển khai khai thác dữ liệu thay thế một số giấy tờ trong hồ sơ khi người dân, doanh nghiệp thực hiện thủ tục hành chính.	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, xã	Trung tâm Phục vụ hành chính công xã	Kho dữ liệu điện tử trực tuyến của người dân, tổ chức; duy trì, kết nối, đồng bộ với Cổng Dịch vụ công quốc gia	Thường xuyên
5	Ban hành công bố dữ liệu mở tỉnh, bảo đảm phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Phòng, ban, đơn vị liên quan	Văn bản của cấp có thẩm quyền	Năm 2026 -2027
6	Triển khai quy định, quy chuẩn kỹ thuật, cấu trúc dữ liệu phục vụ triển khai Đề án Chiến lược dữ liệu.	Các cơ quan/đơn vị là chủ quản của cơ sở dữ liệu	Phòng VHXXH	Thực hiện theo Quy chế quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của tỉnh và Chiến lược dữ liệu của tỉnh	Thường xuyên
7	Đẩy nhanh tiến độ thu thập, số hóa, cập nhật cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước đối với các ngành, lĩnh vực và hỗ trợ doanh nghiệp phát triển. Tập trung hoàn thành việc số hóa và làm sạch các cơ sở dữ liệu cốt lõi, chuyên ngành như đất đai, nhà ở... gắn định danh chủ sở hữu với số định danh cá nhân để phục vụ công tác quản lý nhà nước.	Các cơ quan/đơn vị là chủ quản của cơ sở dữ liệu	Các Phòng, ban, đơn vị liên quan	Cơ sở dữ liệu Quốc gia và cơ sở dữ liệu chuyên ngành	Thường xuyên
8	Thực hiện tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ đối với 100% thủ tục hành chính thiết yếu theo hướng cắt giảm tối đa giấy tờ, bắt buộc áp dụng nguyên tắc người dân không phải khai báo lại các thông tin đã có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.	Các sở, ngành cấp tỉnh	Trung tâm Phục vụ hành chính công xã	Báo cáo kết quả thực hiện	2026
9	Thúc đẩy phát triển và ứng dụng các nền tảng truy xuất nguồn gốc, minh bạch chuỗi cung ứng, xác thực và chia sẻ dữ liệu phục vụ sản xuất, thương mại, logistics, nông nghiệp, xuất khẩu và các lĩnh vực có yêu cầu cao về minh bạch, tiêu chuẩn và kết nối thị trường.	Sở Công Thương	Phòng KT	Báo cáo kết quả thực hiện	2026 - 2030

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Dự kiến kết quả	Thời gian hoàn thành
10	Phát triển, thử nghiệm, ứng dụng và nhân rộng các nền tảng AI dùng chung và AI chuyên ngành phục vụ chỉ đạo, điều hành, cung cấp dịch vụ công, quản lý nhà nước và phát triển ngành, lĩnh vực.	Các sở, ngành cấp tỉnh	Các Phòng, ban, đơn vị liên quan	Báo cáo kết quả thực hiện	2026 - 2030
11	Ứng dụng AI để hỗ trợ người dân thực hiện thủ tục, tự động điền biểu mẫu và tự động thẩm định các hồ sơ đơn giản nhằm chuyển từ dịch vụ công trực tuyến sang dịch vụ công trực tuyến tự động.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trung tâm phục vụ Hành chính công xã	Báo cáo kết quả thực hiện	2026 - 2030
12	Thử nghiệm, ứng dụng và nhân rộng AI trong quản trị địa phương, sản xuất công nghiệp, giáo dục, y tế, nông nghiệp thông minh, doanh nghiệp, sản xuất kinh doanh; ban hành hướng dẫn về đạo đức AI, quản trị rủi ro AI, trách nhiệm pháp lý và bảo đảm an ninh mạng cho hệ thống AI.	Các sở, ngành cấp tỉnh	Các Phòng, ban, đơn vị liên quan	Báo cáo kết quả thực hiện	2026 - 2030
13	Cung cấp dữ liệu mở, hiện trạng và lộ trình xây dựng dữ liệu trong các cơ quan nhà nước, mức độ chia sẻ, sử dụng dữ liệu và các thông tin cần thiết để kết nối; đánh giá, xếp hạng công khai mức độ phát triển dữ liệu của các sở, ngành, địa phương.	Các sở, ngành cấp tỉnh	Văn phòng HĐND&UBND xã	Kế hoạch hoặc Quyết định của cơ quan có thẩm quyền	Thường xuyên
14	Duy trì sử dụng Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của các Bộ, ngành và Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh trong tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính; kết nối Công Dịch vụ công quốc gia.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trung tâm PV HCC xã	Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính	Thường xuyên
15	Rà soát, nâng cấp, hoàn thiện Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu tỉnh (LGSP) kết nối chia sẻ dữ liệu giữa các sở ngành, liên thông, kết nối với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia, Trung tâm dữ liệu quốc gia.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Phòng, ban, đơn vị liên quan	Nền tảng LGSP	Năm 2026 - 2027
16	Thuê và duy trì nền tảng phục vụ vận hành Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh. Nâng cấp hệ thống xử lý dữ liệu thông minh riêng để xử lý, phân tích và khai phá dữ liệu nhằm tạo ra các thông tin giá trị phục vụ chỉ đạo điều hành.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Phòng, ban, đơn vị liên quan	Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh	Năm 2026 - 2030

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Dự kiến kết quả	Thời gian hoàn thành
17	Rà soát, cập nhật Danh mục nền tảng số dùng chung, hệ thống thông tin chuyên ngành dùng chung của tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Phòng, ban, đơn vị liên quan	Danh mục nền tảng số dùng chung, hệ thống thông tin chuyên ngành dùng chung của tỉnh	thường xuyên
18	Triển khai các hệ thống thông tin chuyên ngành	Các sở, ban, ngành	Các Phòng, ban, đơn vị liên quan	100% các hệ thống thông tin chuyên ngành được tích hợp vào Hệ thống tổng hợp dữ liệu dùng chung và điều hành thông minh của tỉnh	Năm 2026 - 2030
19	Nâng cấp, hoàn thiện Trung tâm giám sát, điều hành thông minh (IOC)	Sở Khoa học và Công nghệ	Phòng VHXXH	Thông tin, dữ liệu phục vụ chỉ đạo điều hành	Năm 2026
IV	Phát triển doanh nghiệp số				
1	Triển khai các nhiệm vụ tại kế hoạch số 144/KH-UBND ngày 18/5/2026 về hỗ trợ chuyển đổi số cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn 2026 - 2030	Các sở, ngành cấp tỉnh	Phòng KT	100% nhiệm vụ của Kế hoạch được hoàn thành	2026 - 2030
2	Mở rộng, phát triển kinh tế số từ việc số hóa, chuyển đổi các hoạt động kinh tế hiện hữu lên môi trường số đến kiến tạo các mô hình kinh doanh mới, ngành nghề mới và không gian tăng trưởng mới dựa trên công nghệ số, ưu tiên phát triển các mô hình kinh tế số dựa trên công nghệ số chiến lược.	Các sở, ngành cấp tỉnh	Phòng KT	Ít nhất có 05 mô hình phát triển kinh tế số được hình thành	2026 - 2030
V	Phát triển nhân lực số, kỹ năng số, công dân số, văn hóa số				
1	Tiếp tục triển khai chuẩn kỹ năng số và Khung kỹ năng số quốc gia	Sở Khoa học và Công nghệ	Phòng VHXXH	Báo cáo kết quả thực hiện	Thường xuyên
2	Bố trí nhân lực chuyên trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số tại các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, xã.	Phòng VHXXH	Sở KH&CN	Báo cáo kết quả thực hiện	Thường xuyên
3	Triển khai thực chất, hiệu quả phong trào “Bình dân học vụ số” và hoạt động của các Tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh.	Phòng VHXXH	Các Phòng, ban, đơn vị liên quan	Báo cáo kết quả thực hiện	Thường xuyên
4	Phối hợp tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chứng chỉ quản trị dữ liệu cơ bản.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Phòng, ban, đơn vị liên quan	Báo cáo kết quả thực hiện	Thường xuyên

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Dự kiến kết quả	Thời gian hoàn thành
5	Đưa nội dung phổ cập kỹ năng số, an ninh mạng, trí tuệ nhân tạo dựa trên các nền tảng mở, phần mềm nguồn mở vào chương trình giảng dạy từ cấp tiểu học.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các Phòng, ban, đơn vị liên quan	Kế hoạch, chương trình đào tạo	Thường xuyên
6	Tiếp tục nâng cao nhận thức, đào tạo, tập huấn kỹ năng về chuyển đổi số, kỹ năng sử dụng AI, kỹ năng an toàn trên không gian mạng cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan nhà nước	Sở Nội vụ	Phòng VHXX	Báo cáo kết quả thực hiện	Thường xuyên
7	Phổ cập công dân số, hình thành, phát triển ứng dụng công dân số của địa phương, tích hợp đa tiện ích, kết nối với VNeID.	Công an tỉnh	Công an xã, Phòng VHXX	Báo cáo kết quả thực hiện	Thường xuyên
8	Đẩy mạnh các hoạt động của các Tổ Công nghệ số cộng đồng; có chính sách hỗ trợ hoạt động của Tổ Công nghệ số cộng đồng cấp xã, xã, kết hợp xã hội hóa nhằm phát huy hiệu quả hoạt động.	Sở Khoa học và Công nghệ	Phòng VHXX	Báo cáo kết quả thực hiện	Thường xuyên
VI	Tăng cường hợp tác quốc tế				
1	Chủ động hợp tác trong việc tham gia quản lý các tài nguyên chung trong môi trường số và trên không gian mạng; tham gia các tổ chức quốc tế và chủ trì, dẫn dắt triển khai một số sáng kiến về chuyển đổi số.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Phòng, ban, đơn vị liên quan	Báo cáo kết quả thực hiện	Thường xuyên
2	Nghiên cứu và tham mưu chính sách ưu đãi đặc thù về môi trường làm việc để thu hút các chuyên gia công nghệ, nhà khoa học dữ liệu.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Phòng, ban, đơn vị liên quan	Báo cáo kết quả thực hiện	2026 - 2027